Huyền Trang và sự tiếp biến Phật giáo Ấn Độ tại Trung Quốc thời Đường

ISSN: 2734-9195 15:05 08/05/2026

Chính nhờ vai trò chủ động và sáng tạo đó, Phật giáo Ấn Độ khi vào Trung Quốc không bị hòa tan hay biến dạng, mà được chuyển hóa thành truyền thống Phật giáo Đông Á vừa mang tính bản địa, vừa giữ được chiều sâu triết học nguyên gốc.

Các tác giả: **Hồ Nguyễn Tuấn Kiệt, Trần Lâm Tuấn Kiệt, Nguyễn Văn Tùng, Trần Cao Kỳ Duyên, Nhâm Hoàng Yến Oanh**

Đại học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn - ĐHQG TP.HCM, Khoa Đông Phương Học - Nhật Bản Học

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 05/2026

Tóm tắt:

*Mục tiêu của bài viết là làm sáng tỏ vai trò của Huyền Trang trong tiến trình truyền nhập và tái cấu trúc **Phật giáo Ấn Độ** tại Trung Hoa thời Đường. Nghiên cứu triển khai cách tiếp cận lịch sử kết hợp phân tích, tổng hợp và đối chiếu liên văn hóa nhằm nhận diện cơ chế tiếp biến tư tưởng. Kết quả cho thấy ông không chỉ đóng vai trò trung gian truyền thụ giáo lý mà còn là chủ thể kiến tạo tri thức, góp phần hệ thống hóa và chuẩn mực hóa tư tưởng Đại thừa thông qua hoạt động dịch thuật và trước tác quy mô lớn.*

Quá trình này thể hiện rõ qua việc tái diễn giải học thuyết Duy thức theo ngữ cảnh bản địa, đồng thời thiết lập nguyên tắc dịch thuật chặt chẽ, vừa bảo toàn nội hàm triết học Ấn Độ vừa đảm bảo khả năng dung hợp với hệ hình tư tưởng Trung Hoa. Từ đó, nghiên cứu khẳng định đóng góp của ông.

Bài viết đồng thời đề xuất cách tiếp cận mới để lý giải cơ chế giao lưu văn minh, mở rộng khung tham chiếu cho nghiên cứu lịch sử tư tưởng và đối thoại tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Từ khóa: Huyền Trang, Phật giáo Đại thừa, tiếp biến văn hóa, dịch thuật Phật điển, giao lưu văn minh

Mở đầu

Huyền Trang (602-664) là cao tăng Phật giáo Trung Hoa thời Đường, giữ vai trò đặc biệt trong lịch sử giao lưu văn hóa tôn giáo giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Không chỉ nổi tiếng với hành trình thỉnh kinh sang Ấn Độ, ông còn để lại dấu ấn sâu sắc qua hoạt động dịch thuật kinh điển Phật giáo từ tiếng Phạn sang tiếng Hán, góp phần hệ thống hóa và chuẩn hóa tư tưởng Phật giáo Đại thừa, đồng thời đặt nền tảng cho sự hình thành Pháp tướng tông. Vì vậy, Huyền Trang không chỉ là người truyền bá giáo lý mà còn là chủ thể trung tâm trong quá trình tiếp biến tư tưởng Phật giáo Ấn Độ.



Tranh vẽ Đường Huyền Trang đi thỉnh kinh trên vách đá thuộc Hang động Phật Ngàn. Nguồn: Sohu

Trong bối cảnh Phật giáo thời Đường đạt đến đỉnh cao phát triển về tổ chức, học thuật và ảnh hưởng xã hội, hoạt động học tập và dịch thuật của Huyền Trang đã tạo điều kiện cho việc tiếp nhận trực tiếp tư tưởng Phật giáo nguyên bản, thúc đẩy quá trình chọn lọc và điều chỉnh để phù hợp với truyền thống văn hóa tư tưởng **Trung Hoa**.

Phật giáo thời kỳ này không chỉ là sự du nhập đơn thuần mà là kết quả của quá trình tiếp biến sâu sắc và sáng tạo. Các nghiên cứu trước chủ yếu tiếp cận Huyền Trang từ góc độ sử liệu, dịch thuật hoặc bối cảnh lịch sử, nhưng còn thiếu một khung phân tích mang tính hệ thống để lý giải cơ chế chuyển hóa tư tưởng từ Phật giáo Ấn Độ sang ngữ cảnh Trung Hoa. Đặc biệt, vai trò của ông

như một chủ thể kiến tạo tri thức trong quá trình này vẫn chưa được phân tích đầy đủ. Trên cơ sở đó, đề tài hướng tới làm rõ vai trò của Huyền Trang như một chủ thể trung gian và sáng tạo trong tiến trình này, góp phần lý giải cơ chế giao lưu, tiếp nhận và bản địa hóa tư tưởng tôn giáo giữa hai nền văn minh lớn của châu Á.

Bài viết đề xuất khung phân tích ba tầng về chuyển hóa tư tưởng gồm:

(1) Tiếp nhận tri thức nguyên bản (qua hành trình học tập và thỉnh kinh),

(2) Tái diễn giải học thuyết (thông qua dịch thuật và trước tác),

(3) Thiết lập hệ chuẩn bản địa (qua việc hệ thống hóa và ảnh hưởng đến tông phái).

Khung này cho phép nhận diện rõ vai trò chủ động của Huyền Trang trong việc chuyển hóa Phật giáo thành hệ tư tưởng phù hợp với bối cảnh Đông Á.

1. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu về Huyền Trang đã được tiếp cận từ nhiều hướng khác nhau, song vẫn tồn tại những khác biệt trong cách lý giải cơ chế tiếp biến tư tưởng.

Ở bình diện sử học, Jeff ey Kotyk (2019) nhấn mạnh tính kiến tạo của tư liệu thông qua việc đối chiếu nguồn sử nhà nước và Phật giáo. Cách tiếp cận này làm rõ bối cảnh lịch sử, nhưng chưa đi sâu vào cơ chế chuyển hóa tư tưởng.

Trong khi đó, các nghiên cứu về dịch thuật cho thấy một chiều lý luận đáng chú ý. Jiachuan He (2023) xem dịch thuật của Huyền Trang như quá trình bảo toàn nội hàm triết học Ấn Độ (fidelity), nhấn mạnh tính tái hiện tri thức. Ngược lại, Kaiyang Chen (2021) cho rằng dịch thuật mang tính kiến tạo, khi Huyền Trang chủ động điều chỉnh và tái diễn giải giáo lý để phù hợp với bối cảnh Trung Hoa (adaptation). Sự khác biệt này cho thấy một vấn đề chưa được giải quyết: dịch thuật nên được hiểu như bảo tồn hay tái cấu trúc tri thức, hay là sự kết hợp của cả hai.

Ở cấp độ vĩ mô, Mark Edward Lewis (2012) và Stanley Weinstein (1987) nhấn mạnh vai trò của bối cảnh chính trị – xã hội và sự bảo trợ của nhà nước trong sự phát triển của Phật giáo thời Đường. Tuy nhiên, cách tiếp cận này có xu hướng làm mờ vai trò chủ thể của Huyền Trang. Tương tự, Zixuan Guo (2024) khẳng định tính tất yếu của bản địa hóa tôn giáo nhưng chưa làm rõ cơ chế vận hành cụ thể ở cấp độ cá nhân.

Nhìn chung, các nghiên cứu hiện nay vẫn phân tách giữa ba chiều: kỹ thuật dịch thuật, kiến tạo văn hóa và bối cảnh lịch sử, mà thiếu một mô hình tích hợp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này đề xuất khung phân tích ba tầng nhằm lý giải đồng thời quá trình tiếp nhận, tái diễn giải và chuẩn hóa tư tưởng, qua đó làm rõ vai trò của Huyền Trang như một chủ thể kiến tạo tri thức

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo hướng liên ngành, kết hợp lịch sử tư tưởng, phân tích văn bản và so sánh liên văn hóa nhằm làm rõ cơ chế tiếp biến Phật giáo Ấn Độ trong bối cảnh Trung Hoa thời Đường. Trước hết, cách tiếp cận lịch sử được vận dụng để tái dựng bối cảnh chính trị, tôn giáo và học thuật đương thời. Đối chiếu các nguồn sử liệu chính thống với tư liệu Phật giáo, đặc biệt là Đại Đường Tây Vực Ký, cho phép nhận diện không gian tri thức và động lực nội tại của quá trình tiếp nhận giáo lý.

Đồng thời, phương pháp so sánh liên văn hóa được sử dụng để đối chiếu giữa hệ tư tưởng Phật giáo Ấn Độ, đặc biệt là Duy thức học, với bối cảnh tư tưởng Trung Hoa chịu ảnh hưởng của Nho giáo và Đạo giáo. Việc so sánh tập trung vào các phương diện bản thể luận, nhận thức luận và phương pháp tu tập, từ đó làm rõ những yếu tố được bảo lưu, biến đổi hoặc dung hợp trong tiến trình bản địa hóa.

Toàn bộ quá trình phân tích được đặt trong khung lý thuyết ba tầng gồm tiếp nhận tri thức nguyên bản, tái diễn giải học thuyết và thiết lập hệ chuẩn bản địa.

3. Cơ sở lý luận và bối cảnh Phật giáo Ấn - Trung thời Đường

3.1. Khung lý thuyết về tiếp biến văn hóa và tôn giáo

Tiếp biến văn hóa là quá trình biến đổi về giá trị, niềm tin và thực hành khi các nhóm văn hóa khác nhau tương tác trực tiếp và lâu dài (Berry, 2003). Quá trình này không đơn thuần là sự đồng hóa một chiều mà là sự tương tác đa chiều, nơi chủ thể tiếp nhận chủ động lựa chọn các chiến lược: duy trì bản sắc gốc, tiếp thu có chọn lọc hoặc tích hợp để hình thành các dạng thức văn hóa mới (Berry, 2003; Schwartz et al., 2010). Tại Việt Nam, tiếp biến văn hóa được nhìn nhận như một cơ chế tái cấu trúc và sáng tạo, giúp hình thành các truyền thống dung hợp mà không làm mất đi cốt lõi bản địa (Phạm Phương Chi & Trần Tịnh Vy, 2020).

Trong lĩnh vực niềm tin, tiếp biến tôn giáo là biến thể đặc thù khi các hệ thống giáo lý và nghi lễ được điều chỉnh để thích nghi với không gian văn hóa - xã hội mới (Stewart & Shaw, 1994). Bản chất của quá trình này nằm ở tính chọn lọc và tái diễn giải, các cộng đồng không sao chép nguyên trạng mà chủ động chuyển hóa các khái niệm siêu hình phù hợp với hệ giá trị và cấu trúc quyền lực tại địa phương (Asad, 1993; Beyer, 2006). Đây là tiền đề lý thuyết quan trọng để lý giải sự chuyển hóa của Phật giáo Ấn Độ khi du nhập vào không gian văn hóa Hán văn.

3.2. Sự truyền bá Phật giáo Ấn Độ và lộ trình sang Trung Hoa

Phật giáo hình thành tại Ấn Độ (thế kỷ VI-V TCN) với hệ thống giáo lý cốt lõi như Tứ Diệu Đế và Vô ngã, sau đó phân hóa thành các bộ phái sơ kỳ và Đại thừa với lý tưởng Bồ tát (Chowdhury, 2019). Thông qua mạng lưới Con đường tơ lụa, Phật giáo lan tỏa sang Trung Á và Trung Quốc từ thế kỷ I-II CN (Wang, 2025).

Quá trình này không diễn ra tĩnh tại mà mang tính giao lưu sâu sắc: Phật giáo Ấn Độ buộc phải thích nghi với môi trường tư tưởng Nho - Đạo bản địa. Sự tương tác này dẫn đến việc tái diễn giải giáo lý và hình thành các tông phái đặc trưng Trung Hoa, tạo nền tảng cho sự phát triển rực rỡ của Phật giáo thời Đường thông qua các hoạt động cầu pháp và dịch thuật chính thống (Chowdhury, 2019; Wang, 2025).

3.3. Bối cảnh lịch sử - tư tưởng Trung Quốc thời Đường

Triều đại nhà Đường (618- 907) thiết lập nền chính trị tập quyền ổn định và kinh tế phồn thịnh, tạo điều kiện cho giao lưu quốc tế đạt đỉnh cao (Twitchett, 2009). Kinh đô Trường An trở thành trung tâm quốc tế hóa, nơi chính sách đối ngoại cởi mở thúc đẩy Phật giáo phát triển như một cầu nối văn hóa (Lewis, 2012).

Về tư tưởng, thời Đường đặc trưng bởi sự đa nguyên và dung hợp (Tam giáo đồng nguyên). Trong khi Nho giáo quản lý xã hội, Phật giáo và Đạo giáo đáp ứng nhu cầu tâm linh và giải quyết các bất an hiện sinh (Lewis, 2012; Weinstein, 1987). Sự bảo trợ của hoàng gia không chỉ củng cố vị thế chính trị của Phật giáo mà còn tạo nguồn lực cho các dự án dịch thuật quy mô lớn và chuẩn hóa giáo lý (Weinstein, 1987). Chính sự giao thoa giữa nhu cầu học thuật của giới trí thức và sự bảo trợ của nhà nước đã tạo tiền đề cho những cao tăng như Huyền Trang thực hiện các chuyến cầu pháp, thúc đẩy quá trình "Trung Hoa hóa" Phật giáo một cách hệ thống và sâu sắc (Twitchett, 2009; Weinstein, 1987).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Huyền Trang và quá trình tiếp nhận Phật giáo

4.1.1. Huyền Trang - cuộc đời và hành trình thỉnh kinh

Huyền Trang (602-664) là một trong những tăng sĩ và học giả tiêu biểu thời Đường, có ảnh hưởng sâu rộng trong giao lưu **văn hóa** - tư tưởng giữa Trung Quốc và Ấn Độ. Ông sinh tại vùng phụ cận Lạc Dương trong một gia đình trí thức, sớm tiếp xúc với Nho học nhưng lựa chọn con đường Phật học dưới ảnh hưởng của người anh xuất gia (Xuanzang, 602-664/1996).

Trong quá trình tu học tại Trung Quốc, Huyền Trang nhận thấy sự bất nhất và sai lệch giữa các bản dịch kinh điển, đặc biệt về thuật ngữ và giáo lý. Nhận thức này dẫn ông đến nhu cầu tiếp cận nguyên bản Phật giáo Ấn Độ (He, 2023). Từ đó, ông quyết định sang Ấn Độ nhằm nghiên cứu trực tiếp kinh điển Phạn ngữ, thể hiện tinh thần học thuật mang tính phản biện và hệ thống (Lopez, 2016).

Năm 629, bất chấp lệnh cấm, ông rời Trường An và thực hiện hành trình kéo dài gần 17 năm qua Trung Á đến Ấn Độ. Tại Nālandā, ông nghiên cứu sâu các hệ thống triết học, đặc biệt là Yogācāra, đồng thời tham gia tranh luận học thuật và sưu tầm kinh điển Phạn ngữ (Nam, 2008;Ahmad & Hussain, 2025). Những trải nghiệm này giúp ông định hình vai trò trung gian tri thức trong giao lưu Phật giáo (EBSCO Research Starters, n.d.).

Sự tiếp xúc với Phật giáo Ấn Độ đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng của Huyền Trang, đặc biệt trong việc tiếp thu Duy thức học như nền tảng lý luận. Tuy nhiên, ông không tiếp nhận thụ động mà vận dụng phương pháp phân tích, so sánh và chú giải để diễn giải phù hợp với bối cảnh Trung Hoa (He, 2023; Lopez, 2016).

Nhờ đó, ông góp phần định hình truyền thống Phật học mang tính hệ thống và liên ngành (Nam, 2008).

4.1.2. Hoạt động dịch thuật kinh điển Phật giáo

Sau khi trở về Trường An năm 645, Huyền Trang triển khai công trình dịch thuật quy mô lớn với hơn 75 bộ kinh luận. Ông chủ trương trung thành với nguyên bản Phạn ngữ, xem dịch thuật là hoạt động học thuật đòi hỏi độ chính xác cao về khái niệm (Thích Minh Châu & Thích Nữ Trí Hải, 1989; He, 2023).

Nguyên tắc nổi bật là “ngũ chủng bất phiên”, theo đó một số thuật ngữ cần giữ nguyên âm nhằm bảo toàn ý nghĩa, như Nirvāna hay ālaya-vijñāna (He, 2023). Cách tiếp cận này giúp duy trì tính học thuật và tạo nền tảng cho nghiên cứu so sánh Phật học (Woo, 2016).

Huyền Trang tổ chức dịch trường theo mô hình tập thể, kết hợp tăng sĩ và học giả để đảm bảo tính chính xác. Đồng thời, ông đối chiếu nhiều dị bản Phạn ngữ trước khi dịch, qua đó nâng cao độ tin cậy của văn bản (Thích Minh Châu & Thích Nữ Trí Hải, 1989; Shen & Li, 2025).

Thông qua hoạt động dịch thuật, ông truyền tải có hệ thống các tư tưởng cốt lõi của Phật giáo Ấn Độ như: Pratītyasamutpāda và vô ngã (Harvey, 2013), Tứ Diệu Đế và Bát Chính Đạo (Williams, 2008), Lý tưởng Bồ- tát (Williams, 2008; Shen & Li, 2025), Duy thức học và cấu trúc tâm thức (Kalupahana, 1992), Śūnyatā (Ruegg, 1989). Nhờ đó, Phật giáo Trung Hoa được nâng lên trình độ triết học và học thuật cao, vượt ra ngoài phạm vi tín ngưỡng.

4.1.3. Những biểu hiện của sự tiếp biến Phật giáo

Quá trình tiếp nhận Phật giáo tại Trung Quốc là một dạng “Trung Hoa hóa”, tức tiếp nhận có chọn lọc và tái cấu trúc **giáo lý** để phù hợp với bối cảnh bản địa. Theo McRae (2004), đây là quá trình diễn giải chủ động nhằm thích ứng với hệ tư tưởng Trung Hoa.

Việc điều chỉnh thể hiện rõ ở chuyển ngữ và diễn giải các khái niệm như dharma hay śūnyatā theo tư duy bản địa, đồng thời giữ chiều sâu triết học (Lai, 2015). Giáo lý vô ngã và nhân duyên sinh được diễn giải gần với trực giác triết học Đạo giáo, giúp tăng khả năng tiếp nhận (Lai, 2015).

Phật giáo cũng tương tác với Nho giáo và Đạo giáo thông qua việc sử dụng các khái niệm tương đồng như “đạo” để diễn giải giáo lý (Chappell, 1993). Đồng thời, các giá trị đạo đức và thực hành được điều chỉnh để phù hợp với cấu trúc xã hội Trung Hoa, nhấn mạnh tính cộng đồng (Teiser, 1994).

Kết quả tiêu biểu là sự hình thành Pháp tướng tông, dựa trên nền tảng Duy thức học Ấn Độ nhưng được hệ thống hóa theo logic học thuật Trung Hoa (Lusthaus, 2002; Williams, 2009). Vai trò của Khuy Cơ trong việc chú giải và phát triển tông phái này là đặc biệt quan trọng (Muller, 2012).

So với giai đoạn trước, khi Phật giáo còn mang tính phân mảnh và phụ thuộc vào diễn giải bản địa (Zürcher, 2007), sau Huyền Trang, Phật giáo Trung Quốc chuyển sang giai đoạn chuẩn hóa, hệ thống hóa và học thuật hóa (Lusthaus,

2002; Chen, 2012). Nhờ đó, Phật giáo không chỉ là tôn giáo ngoại lai mà trở thành một bộ phận của truyền thống triết học Trung Hoa.

4.2. Ý nghĩa và giá trị của sự tiếp biến Phật giáo qua vai trò của Huyền Trang

Tác động của Huyền Trang đối với Phật giáo Trung Quốc

a. Đóng góp về tư tưởng và học thuật

Huyền Trang có đóng góp nổi bật trong việc bổ sung nguồn kinh điển Phật giáo Ấn Độ, xây dựng phương pháp dịch thuật chuẩn xác và thúc đẩy học thuật Phật học tại Trung Quốc (Yü, 2020). Sau hơn mười bảy năm hành hương, ông mang về hơn 600 bộ kinh luận Phạn ngữ, trong đó có nhiều văn bản Duy thức và Trung quán chưa từng được tiếp cận trực tiếp trước đó, góp phần chuẩn hóa và hệ thống hóa giáo lý (Lewis, 2012; Williams, 2009).



Tôn tượng Huyền Trang trước tháp Đại Nhạn, Tây An, Trung Quốc - Ảnh: Sưu tầm

Phương pháp dịch thuật của ông nhấn mạnh tính trung thành với nguyên bản, giữ nhất quán các thuật ngữ triết học như Yogācāra, ālaya- vijñāna, vijñaptimātratā, giúp bảo toàn cấu trúc tư tưởng (Williams, 2009). Đồng thời, ông chủ trì biên soạn Thành duy thức luận, một công trình hệ thống hóa Duy thức học có giá trị học thuật cao (Yü, 2020).

Ông cũng đặt nền tảng cho Pháp tướng tông, với phương pháp phân tích tâm thức chặt chẽ, góp phần nâng cao tư duy lý luận Phật học thời Đường (Buswell & Lopez, 2014; Yü, 2020). Kinh nghiệm biện luận tại Ấn Độ giúp ông phát triển tư duy phản biện, nâng cao vị thế trí thức của Phật giáo (Lewis, 2012).

Đáng chú ý, Huyền Trang đã kết nối tư tưởng Phật giáo với bối cảnh Trung Hoa, tạo khả năng đối thoại với Nho giáo và Đạo giáo (Yü, 2020). Ảnh hưởng của ông lan rộng sang Nhật Bản và Triều Tiên, trở thành nền tảng cho Phật học Đông Á (Williams, 2009). Nhìn chung, ông góp phần học thuật hóa Phật giáo và định hình nền tảng tư tưởng lâu dài.

b. Ảnh hưởng lâu dài đến các tông phái

Di sản của Huyền Trang không chỉ hình thành Pháp tướng tông mà còn ảnh hưởng sâu rộng đến các tông phái khác. Pháp tướng tông dựa trên Duy thức học và Thành duy thức luận, nhấn mạnh "duy thức" như nền tảng nhận thức (Britannica, 2025).

Dù không phổ biến như Thiền hay Tịnh độ, tư tưởng của nó trở thành nền tảng lý luận cho các tông phái khác (Lee, 2015; Yamabe, 2020). Duy thức học còn ảnh hưởng đến Thiền tông, thể hiện trong các văn bản như Yuanming lun (Yamabe, 2020).

Trong Tịnh độ tông, các bản dịch của Huyền Trang góp phần định hình giáo lý và thực hành niệm Phật (Lee, 2015). Ảnh hưởng của ông cũng lan sang Nhật Bản và Triều Tiên, hình thành các hệ thống Yogācāra khu vực (Britannica, 2025; Lee, 2015). Như vậy, tư tưởng của ông tạo nên mạng lưới Phật học Đông Á liên thông và bền vững.

c. Vai trò trong giao lưu văn hóa Trung - Ấn

Huyền Trang là cầu nối quan trọng trong giao lưu văn hóa Trung - Ấn. Đại Đường Tây Vực Ký cung cấp thông tin địa lý, lịch sử, văn hóa và Phật giáo của hơn 100 khu vực, giúp Trung Quốc hiểu rõ hơn về Ấn Độ (Xuanzang, 1996). Các ghi chép về Nālandā, Valabhī và các vương quốc Gupta góp phần hình thành nhận thức hệ thống về Ấn Độ (Yü, 2020). Ông cũng mang về hơn 600 bộ kinh, tạo nền tảng học thuật quan trọng (Chen, 1964).

Dịch thuật của ông không chỉ chuyển ngữ mà còn chuyển tải hệ thống tư duy và triết học Ấn Độ vào Trung Hoa (He, 2023). Hành trình của ông trên Con đường Tơ lụa cho thấy đây là không gian trao đổi tri thức và văn hóa (Yü, 2020).Vai trò của ông thể hiện ở tiếp xúc, ghi chép và chuyển tải tri thức liên văn hóa.

d. Vai trò của dịch thuật trong tiếp biến tư tưởng

Dịch thuật của Huyền Trang là cơ chế trung tâm của tiếp biến tư tưởng. Nó không chỉ chuyển ngữ mà còn tái cấu trúc hệ thống khái niệm trong bối cảnh Trung Hoa (Shen & Li, 2025). Ông giữ nguyên nhiều thuật ngữ, đồng thời, chú

giải giúp người Trung Hoa hiểu và vận dụng. (Shen & Li, 2025), (Kalupahana, 1992).

Dịch thuật tạo ra ngôn ngữ học thuật thống nhất, thúc đẩy sự hình thành các tông phái bản địa, góp phần học thuật hóa Phật giáo (Thích Minh Châu & Thích Nữ Trí Hải, 1989). Dịch thuật vừa là chuyển giao tri thức, vừa là công cụ sáng tạo tư tưởng.

Huyền Trang còn là biểu tượng văn hóa về tinh thần cầu học và ý chí tìm chân lý. Ghi chép của ông mở rộng nhận thức đa văn hóa của Trung Hoa.

Ảnh hưởng của ông lan sang Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam, góp phần hình thành không gian Phật giáo Đông Á thống nhất về tri thức.

4.3. Ý nghĩa lịch sử và giá trị đương đại

Sự tiếp biến Phật giáo qua Huyền Trang có ý nghĩa lịch sử và giá trị đương đại sâu sắc.

Về lịch sử, ông góp phần học thuật hóa và hệ thống hóa Phật giáo Trung Quốc, tạo điều kiện đối thoại với Nho giáo và Đạo giáo, đồng thời định hình Phật giáo Đông Á.

Về đương đại, trường hợp của ông cho thấy: Tiếp biến là quá trình chủ động chọn lọc và sáng tạo, không phải sao chép, chủ thể tiếp nhận giữ vai trò quyết định, giao lưu văn hóa cần dựa trên tri thức và đối thoại. Mô hình của Huyền Trang là một hình mẫu tiêu biểu cho tiếp biến văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

5. Kết luận

Có thể khẳng định rằng toàn bộ đề tài đã làm sáng tỏ một cách hệ thống vai trò lịch sử và học thuật của Huyền Trang trong quá trình tiếp biến Phật giáo Ấn Độ tại Trung Quốc thời Đường. Nghiên cứu cho thấy Huyền Trang tiếp nhận Phật giáo Ấn Độ không phải bằng thái độ thụ động, mà bằng quá trình học tập nghiêm túc, đối thoại học thuật sâu sắc và chọn lọc có ý thức. Ông tiếp cận trực tiếp các truyền thống học thuật trọng yếu như Duy thức học, nắm vững ngôn ngữ và phương pháp luận triết học Ấn Độ, từ đó hình thành nền tảng tri thức vững chắc cho việc truyền tải giáo lý Phật giáo một cách chuẩn xác và hệ thống.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng quá trình tiếp biến Phật giáo dưới vai trò của Huyền Trang diễn ra đồng thời trên nhiều phương diện:

Về tư tưởng, ông góp phần đưa các học thuyết Đại thừa Ấn Độ, đặc biệt là Duy thức học, vào không gian tư duy Trung Hoa dưới dạng một hệ thống triết học tương đối hoàn chỉnh. Về dịch thuật, Huyền Trang xây dựng một phương pháp dịch mang tính khoa học và nhất quán. Về tổ chức và truyền thừa, những đóng góp của ông đặt nền móng cho sự hình thành Pháp tướng tông, ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều tông phái Phật giáo khác, cũng như đến tiến trình giao lưu văn hóa Phật giáo trong toàn khu vực Đông Á.

Từ những phân tích trên, Huyền Trang không chỉ là người truyền bá giáo lý Phật giáo Ấn Độ mà còn là chủ thể sáng tạo trong quá trình tiếp biến. Sự sáng tạo này không thể hiện ở việc thay đổi cốt lõi giáo lý, mà ở năng lực tái cấu trúc, hệ thống hóa và trình bày tư tưởng Phật giáo sao cho phù hợp với bối cảnh văn hóa, trí thức và xã hội Trung Quốc thời Đường. Chính nhờ vai trò chủ động và sáng tạo đó, Phật giáo Ấn Độ khi vào Trung Quốc không bị hòa tan hay biến dạng, mà được chuyển hóa thành truyền thống Phật giáo Đông Á vừa mang tính bản địa, vừa giữ được chiều sâu triết học nguyên gốc.

Các tác giả: **Hồ Nguyễn Tuấn Kiệt, Trần Lâm Tuấn Kiệt, Nguyễn Văn Tùng, Trần Cao Kỳ Duyên, Nhâm Hoàng Yến Oanh -** *Đại học KHXH & NV - ĐHQG TP.HCM, Khoa Đông Phương Học - Nhật Bản Học*

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 05/2026

***

Tài liệu tham khảo:

1] Ahmad, B., & Hussain, C. (2025). Journey to enlightenment: Xuanzang's pilgrimage to India and the transmission of Buddhist knowledge to China. Journal of the Punjab University Historical Society, 38 (1). https://pu.edu.pk/images/journal/HistoryPStudies/PDF_Files/04_v38_1_2025.pdf

2] Asad, T. (1993). Genealogies of religion: Discipline and reasons of power in Christianity and Islam. Johns Hopkins University Press. https://jhupbooks.press.jhu.edu/title/genealogies-religion

3] Berry, J. W. (2003). Conceptual approaches to acculturation. In K. M. Chun, P. Balls Organista, & G. Marín (Eds.), Acculturation: Advances in theory, measurement, and applied research (pp. 17-37). American Psychological Association. https://doi.org/10.1037/10472-004

4] Beyer, P. (2006). Religions in global society. Routledge.

5] Buswell, R. E., & Lopez, D. S. (2014). The Princeton dictionary of Buddhism. Princeton University Press. https://press.princeton.edu/books/hardcover/9780691157863/the-princeton-dictionary-of-buddhism

6] Chappell, D. W. (1993). The Buddhist philosophy of assimilation: A study on the Hōtōbunron (Treatise on the location of cultivation). University of Hawai'i Press.

7] Chen, K. (2021). Xuanzang's design of Buddhism for Tang Dynasty: A research on Buddhist stories in Xuanzang's travel account. International Journal of Social Science and Education Research, 4(6), 49-55.

https://doi.org/10.6918/IJOSSER.202106_4(6).0009

8] Chen, K. K. S. (1964). Buddhism in China: A historical survey. Princeton University Press.

9] Chowdhury, S. B. (2019). Buddhist transmission along the Silk Road: The propagation of the Sarvāstivāda school in China. Journal of International Buddhist Studies College, 4(1), 1-8.

https://so03.tci-thaijo.org/index.php/ibsc/article/view/208948

10] Encyclopaedia Britannica. (2025). Xuanzang.

https://www.britannica.com/biography/Xuanzang EBSCO Research Starters. (n.d.). 11] Pilgrimage of Xuanzang.

https://www.ebsco.com/research-starters/religion-and-philosophy/pilgrimage-xuanzang

12] Harvey, P. (2013). An introduction to Buddhism: Teachings, history and practices (2nd ed.). Cambridge University Press.

13] He, J. (2023). A brief introduction to Xuanzang's view of translation. International Journal of Education and Humanities, 8(2), 145- 150. https://drpress.org/ojs/index.php/ijeh/article/download/7793/7581/7610

14] Kalupahana, D. J. (1992). A history of Buddhist philosophy: Continuities and discontinuities. University of Hawai'i Press.

15] Kotyk, J. (2019). Chinese state and Buddhist historical sources on Xuanzang: Historicity and the Daci'en si sanzang fashi zhuan. T'oung Pao, 105(5-6). https://www.jstor.org/stable/27067801

16] Lakey, P. N. (2003). Acculturation: A review of the literature. https://media.sciltp.com/articles/sciltp/ics/2003/10-Paul-N.-Lakey.pdf

17] Lee, S. (2015). Redefithe "Dharma Characteristics School" in East Asian Yogācāra Buddhism. The Eastern Buddhist, 46(2), 41-60.

https://www.jstor.org/stable/26274149

18] Lewis, M. E. (2012). China's cosmopolitan empire: The Tang dynasty. Harvard University Press. Lopez, D. S. (2016). The story of Buddhism: A concise guide to its history and teachings. HarperOne.

19] Lusthaus, D. (2002). Buddhist phenomenology: A philosophical investigation of Yogācāra Buddhism and the Ch'eng Wei-shih lun. Routledge.

20] Nam, D. S. (2008). Xuanzang's pilgrimage to India and the transition of Xuanzang's image. Korean Journal of Buddhist Studies, 20, 191-242.

21] Nguyễn Đắc Tùng, & Nguyễn Thị Hiền. (2024). Phật giáo Ấn Độ và quá trình tiếp biến tại Trung Quốc thời Đường qua hoạt động của Huyền Trang. Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số tháng 3/2024. Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á.

Phạm Phương Chi, & Trần Tịnh Vy. (2020). Tiếp biến văn hóa: Những xu hướng lý thuyết và nghiên cứu chính (pp. 64-73). Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. https://thuvienkhxh-vass.contentdm.oclc.org/digital/collection/p20065coll33/id/4534

22] Powers, J. (2007). Introduction to Tibetan Buddhism. Snow Lion.

23] Ruegg, D. S. (1989). The Buddhist philosophy of the Middle: Essays on Indian and Tibetan Madhyamaka. Wisdom Publications. Schwartz, S. J., Unger, J. B., Zamboanga, B. L., & Szapocznik, J. (2010). Rethinking the concept of acculturation: Implications for theory and research. American Psychologist, 65(4), 237-251. https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC3700543/

24] Shen, J., & Li, X. (2025). Xuanzang's translation strategies and the transmission of Yogācāra thought. Journal of Buddhist Studies, 42(1), 1-15.

25] Shen, Y., & Li, Z. (2025). The strategic use of "雜" (zá) in Xuanzang's translations. Religions, 16(4), 462. https://doi.org/10.3390/rel16040462

26] Stewart, C., & Shaw, R. (1994). Syncretism/anti-syncretism: The politics of religious synthesis. Routledge. Teiser, S. F. (1994). The spirit of Chinese religion. University of Chicago Press.

27] Thích Minh Châu, & Thích Nữ Trí Hải. (1989). Huyền Trang, nhà chiêm bái & học giả. Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam. https://www.thuvienhoasen.org/a9979/06-huyen-trang-nha-dich-thuat

28] Twitchett, D. (2009). The Cambridge history of China (Vol. 3: Sui and T'ang China, 589-906 AD). Cambridge University Press. Vũ Thế Ngọc. (2020). Lý luận dịch kinh của Huyền Trang. Thư viện Hoa Sen.

https://www.thuvienhoasen.org/p21a34111/24/ly-luan-dich-kinh-cua-huyen-trang

29] Wang, Z. (2025). How did the Silk Road help Buddhism spread from India to China and its infl e from the 5th century CE to the 10th century CE? Communications in Humanities Research, 79, 235-241. https://direct.ewa.pub/proceedings/chr/article/view/28920

30] Weinstein, S. (1987). Buddhism under the T'ang. Cambridge University Press.

31] Williams, P. (2008). Mahayana Buddhism: The doctrinal foundations (2nd ed.). Routledge.

32] Woo, J. (2016). How to interpret Xuanzang's translation of the Sarvāstivāda in the Abhidharmakośabhāsya. Korean Journal of Buddhist Studies, 48, 147-177.

33] Xuanzang. (1996). The great Tang dynasty record of the Western regions (Li Rongxi, Trans.). BDK English Tripitaka Series.

34] Yamabe, N. (2020). Yogācāra infle on the Northern School of Chan Buddhism. Tokyo University of Agriculture. https://www.esoterichanmi.com/wp-content/uploads/2020/10/Yogacara_Infle_on_the_Northern_Schoo.pdf

35] Yü, C.-f. (2020). Chinese Buddhism: A thematic history. University of Hawai'i Press. https://uhpress.hawaii.edu/title/chinese-buddhism-a-thematic-history/

36] Zixuan, G. (2024). Localization of foreign religion: The deifi ation of Buddhism in Tang Dynasty. Lecture Notes in Education Psychology and Public Media, 60, 16-23. https://doi.org/10.54254/2753-7048/60/20240413

37] Zürcher, E. (2007). The Buddhist conquest of China: The spread and adaptation of Buddhism in early medieval China (3rd ed.). Brill.